

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-ST

Ngày: 23-8-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Ngọc Diệu

Bà Nguyễn Thị Phương Nga

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* 1/Ông Phạm Anh K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2/Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Ngọc T:* Ông Thái Điền Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ thường trú: số 341/M9 đường L, phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: số 270, ấp T1, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa bà S, ông K, ông Đ có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Bà kinh doanh đại lý bán thức ăn chăn nuôi, bà có trại heo tại xã Thuận Điền. Do quen biết, bà có bán heo thịt cho ông K từ lâu, mỗi khi bán heo hai bên không làm giấy tờ gì. Thông thường bắt heo sau vài ngày ông K sẽ trả tiền heo đầy đủ, có khi bắt heo ông K trả tiền liền. Tuy nhiên, đến gần cuối năm 2020, ông K bắt heo không trả tiền đúng hạn nữa. Bà điện thoại đòi tiền rất nhiều lần, đến cuối năm 2020 ông K trả cho bà được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 251.679.000 đồng cho đến nay chưa trả. Khi đó, ông K và bà Thùy là vợ chồng, ông K mua heo về mổ thịt để mà Thùy bán thịt heo. Do đó, bà yêu cầu ông K và bà Thùy có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền mua heo còn nợ là 251.679.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83% từ tháng 3/2021 cho đến khi khởi kiện là tháng 5/2022 là  $15 \text{ tháng} \times 0.83\% = 31.334.000 \text{ đồng}$ . Từ tháng 6/2022 đến khi xét xử bà không yêu cầu tính lãi.

*Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Anh K trình bày:*

Ông và bà Thùy kết hôn cách đây khoảng 20 năm. Trước đây, ông có mua heo thịt của bà S về mổ heo để vợ ông là bà Thùy bán thịt heo tại các chợ. Đến năm 2020, do heo bị dịch tả, đồng thời ông và bà T có đầu tư vốn để mở hai quán cà phê nên thiếu tiền, vì vậy nhiều lần mua heo của bà S chưa trả tiền. Ông và bà Thùy đã ly hôn vào tháng 5/2022. Ông xác nhận hiện còn nợ bà S số tiền mua heo là 251.679.000 đồng. Khi ly hôn, ông và bà Thùy không kê khai và chưa giải quyết số nợ này cho bà S. Khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó ông yêu cầu bà Thùy cùng có trách nhiệm với ông trả nợ cho bà S, ông đồng ý trả cho bà S  $\frac{1}{2}$  số tiền này, còn  $\frac{1}{2}$  còn lại do bà Thùy trả. Do đang gặp khó khăn nên ông xin bà S không tính lãi.

*Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T là ông Thái Điền D trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T tại bản tự khai và biên bản hoà giải. Bà và ông K là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào tháng 5/2022. Trong thời kỳ hôn nhân, ông K đi mua heo thịt về mổ heo để bà phân phối thịt heo tại các chợ. Khi ly hôn tài sản chung tự thỏa thuận và không kê khai phần nợ tiền mua heo của bà S là 251.679.000 đồng. Trước đây, ông K là người trực tiếp đi mua heo của bà S, sau khi mua heo về bà T đều có đưa tiền cho ông K để trả tiền heo cho bà S, nhưng do đã quá lâu và lúc đó còn là vợ chồng nên bà T không có chứng cứ gì cụ thể cung cấp cho Tòa án. Hiện nay, bà T và ông K đã ly hôn, bà T đã chịu trách nhiệm trả nhiều khoản nợ khác. Vì vậy, bà T yêu cầu số tiền nợ của bà S là 251.679.000 đồng và tiền lãi do một mình ông K có trách nhiệm trả.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ông Phạm Anh K và bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy liên đới trách nhiệm trả số tiền mua heo còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn ông K cư trú tại xã Mỹ Thạnh, bị đơn bà Thùy cư trú tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà S khởi kiện yêu cầu ông K và bà Thùy liên đới trách nhiệm trả số tiền mua heo còn nợ là 251.679.000 đồng. Tuy bà S không cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng tại Tòa, ông K và bà Thùy xác nhận còn nợ bà S số tiền mua heo từ cuối năm 2020 là 251.679.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Tuy việc mua bán hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản, nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói, theo thỏa thuận của hai bên thì bên mua có trách nhiệm trả số tiền sau vài ngày khi mua heo. Tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Việc mua heo được thực hiện từ năm 2020, đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng bị đơn chưa thực hiện việc trả tiền cho bà S. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua heo còn nợ 251.679.000 đồng là có cơ sở. Đối với yêu cầu tính lãi của bà S kể từ tháng 3/2021 đến lúc khởi kiện tháng 5/2022 theo lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2022 là 15 tháng như sau:  $251.679.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} \times 0.83\% = 31.334.000 \text{ đồng}$ . Ghi nhận bà S không yêu cầu tính lãi kể từ tháng 6/2022 cho đến khi xét xử.

Tại Tòa, ông K chỉ đồng ý trả  $\frac{1}{2}$  số nợ trên cho bà S, còn  $\frac{1}{2}$  còn lại do bà Thùy trả. Bà Thùy cho rằng bà đã đưa cho ông K 251.679.000 đồng để trả tiền mua heo cho bà S rồi nhưng ông K tiêu xài riêng. Ông K không thừa nhận việc này, bà Thùy cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà. Do số nợ trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông K và bà Thùy, phục vụ cho nhu cầu kinh tế chung của ông bà, các bên không thỏa thuận phần nợ phải trả của mỗi người nên cần buộc ông bà có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền gốc và lãi 283.013.000 đồng cho bà S là phù hợp.

Từ những lập luận trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông K và bà Thùy liên đới trách nhiệm nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Án phí được tính như sau:  $283.013.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.150.650 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Phạm Anh K và bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền gốc và lãi 283.013.000 (hai trăm tám mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn) đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Phạm Anh K và bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy liên đới trách nhiệm nộp số tiền án phí là 14.150.650 (mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm năm mươi) đồng.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.075.000 đồng (bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008246 ngày 06/7/2022.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Ngoan**